

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2024

V/v: Yêu cầu không công nhận  
vợ chồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D, TỈNH NGHỆ AN

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lương Thị Ái

**Các hội thẩm nhân dân:**

Ông Cụt Xuân Ninh

Ông Vi Văn Dương

**Thư ký phiên tòa:** Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L Th H, sinh năm 1976. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Bản Ph, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh L V Kh, sinh năm 1975 (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Nơi trú tại: Bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2023, bản tự khai ngày 09/11/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L Th H trình bày:

Tình cảm: Chị L Th H và anh L V Kh tìm hiểu nhau được một thời gian thì được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào tháng 3 năm 1996, nhưng thiếu hiểu biết về pháp luật nên

vợ chồng không được đi đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996. Sau khi chung sống với nhau được vài năm đầu thì chị H và anh Kh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Kh nghiện ma túy, bản thân và gia đình con cái nhắc nhở nhiều lần nhưng anh Kh vẫn không cai nghiện được, anh Kh đã đi chấp hành án về tội Ma túy, anh Kh chấp hành án xong nhưng không chịu sửa chữa này anh Kh hiện đang đi chấp hành án tại trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình, chị H và anh Kh không chung sống đã lâu nên tình cảm không còn, chị H có nguyện vọng đề nghị Tòa án không công nhận chị H và anh Kh là vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh Kh có 02 con chung là cháu L Kh X, sinh ngày 1997 và cháu L Th A H, sinh năm 1999 các cháu hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2024 bị đơn anh L V Kh trình bày:

- Tình cảm: Anh L V Kh và chị L Th H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu quy định của pháp luật. Anh Kh và chị H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Kh thường xuyên sử dụng ma túy đến năm 2019 anh Kh đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn. Anh Kh và chị H sống ly thân nhau từ năm 2006, nay chị H đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng anh Kh và chị H là vợ chồng thì anh Kh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Con chung: Anh L V Kh và chị L Th H có 02 con chung là cháu L Kh X, sinh ngày 1997 và cháu L Th A H, sinh năm 1999. Nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài sản chung, nợ chung: Anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

Kết quả xác minh tại UBND xã Ng M: Quá trình kiểm tra trên hệ thống dữ liệu quốc gia và hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Ng M thì không có thông tin đăng ký kết hôn của chị L Th H và anh L V Kh; Chị L Th H, sinh năm 1976 đăng ký thường trú tại: Bản Ph, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An và anh L V Kh, sinh năm 1975 đăng ký thường trú tại: Bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An, anh Kh hiện đang chấp hành án. Chị L Th H và anh L V Kh có 02 con chung là cháu L Kh X, L Th A H đều đã trưởng thành. Chị L Th H và anh L V Kh hiện sống ly thân nhau.

Kết quả xác minh tại UBND xã X M: Quá trình kiểm tra trên hệ thống dữ liệu quốc gia và hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã X M thì không có thông tin đăng ký kết hôn của chị L Th H và anh L V Kh; Chị L Th H, sinh năm 1976 đăng ký thường trú tại: Bản Ph, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An và anh L V Kh, sinh năm 1975 đăng ký thường trú tại: Bản P, xã X M,

huyện T D, tỉnh Nghệ An, anh Kh hiện đang chấp hành án. Chị L Th H và anh L V Kh có 02 con chung là cháu L Kh X, L Th A H đều đã trưởng thành. Chị L Th H và anh L V Kh hiện sống ly thân nhau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Th H cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L Th H và anh L V Kh; Về con chung: Cháu L Kh X, sinh ngày 1997 và cháu L Th A H, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V Kh có hộ khẩu thường trú tại bản P, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị L Th H và anh L V Kh thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tình trạng hôn nhân: Chị H và anh Kh tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996, chị H và anh Kh đều khai không được đi đăng ký kết hôn.

Tòa án cũng tiến hành xác minh tại ủy ban nhân dân xã Ng M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An thì trong sổ hộ tịch lưu trữ qua các giai đoạn thì không thấy có tên L Th H và L V Kh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An nên không có ngày tháng đăng ký kết hôn theo sổ lưu trữ.

Vì vậy, Chị H và anh Kh không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tài liệu do tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị L Th H và anh L V Kh chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996. Tại thời điểm chung sống chị H và anh Kh đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai người chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Kh nghiện ma túy. Hiện nay chị H và anh Kh đã sống ly thân từ năm 2006, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt nên căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình thì không xác định chị L Th H và anh L V Kh là vợ chồng, việc chị L Th H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L Th H và anh L V Kh là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Kh và chị H có 02 con chung là cháu L Kh X, sinh ngày 04/11/1997 và cháu L Th A H, sinh ngày 16/4/ 1999 hiện các cháu đã trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị L Th H và anh L V Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L Th H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp.

*Tuyên xử:*

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L Th H và anh L V Kh.

2. Về con chung:

- Cháu cháu L Kh X, sinh ngày 04/11/1997 và cháu L Th A H, sinh ngày 16/4/ 1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét;

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị L Th H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007264 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Ái**